TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 662/2020/DS-PT
Ngày 10 – 12 – 2020
V/v tranh chấp chia thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Ông Võ Văn Khoa

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lê Đỗ Hồng Quân – Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Văn Đ – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 301/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp chia thừa kế.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2019/DS-ST ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau bị kháng cáo và bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 906/2020/QĐ-PT ngày 17/11/2020; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Bà Huỳnh Tiết B (Huỳnh Tuyết B), sinh năm 1933; địa chỉ: Số 237/6, đường HVT, Phường 2, thị xã BL, tỉnh Bạc Liêu, (*vắng mặt).*

2. Bà Huỳnh Cẩm D, sinh năm 1937; địa chỉ: Số 44, đường TQK, Khóm 5, Phường 5, thành phố CM, tỉnh Cà Mau, *(vắng mặt).*

3. Bà Huỳnh Kim N, sinh năm 1942; địa chỉ: Số 44, đường TQK, Phường 5, thành phố CM, tỉnh Cà Mau, *(vắng mặt).*

4. Bà Huỳnh Mỹ H, sinh năm 1952; địa chỉ: Số 459/18A, đường THĐ, phường CK, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, *(có mặt).*

Bà B, bà D và bà N ủy quyền đại diện tham gia tố tụng cho bà Huỳnh Mỹ H (theo các Giấy ủy quyền ngày 30/3/2007 và ngày 29/3/2007).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

+ Ông Ngô Đình Ch – Luật sư làm việc tại Văn phòng Luật sư Ngô Đình Ch, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau, *(có mặt);*

+ Ông Nguyễn Văn Đ – Luật sư làm việc tại Công ty Luật TNHH MTV KL, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, *(có mặt);*

5. Ông Huỳnh Hồng S, sinh năm 1956, *(đã chết).*

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S:

5.1. Bà Lý Thị T (Lý Yến T), sinh năm 1955, *(có mặt);*

5.2. Anh Huỳnh Hoàng B1, sinh năm 1989, *(vắng mặt);*

Cùng địa chỉ: Số 298 B, đường PVK, Phường 5, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.3. Anh Huỳnh Hoàng H1, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 341/J12B, đường LLQ, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, *(vắng mặt);*

Anh B1 và anh H1 ủy quyền đại diện tham gia tố tụng cho bà Lý Thị T (theo các Giấy ủy quyền ngày 09/12/2010).

- *Bị đơn*: Bà Lê Ngọc D1, sinh năm 1948; địa chỉ: Số 135, đường PĐP, Khóm 6, Phường 2, thành phố CM, tỉnh Cà Mau; *(vắng mặt)*.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Ngọc D1 (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 18/4/2019): Ông Lê Minh Ch1, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 215, đường ND, Khóm 8, Phường 5, thành phố CM, tỉnh Cà Mau, *(có mặt)*.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Huỳnh Mỹ X, sinh năm 1949; địa chỉ: 15/17-25 B. street-C.V.N.S. Wales 2116 Australia, *(vắng mặt)*.

Người đại diện theo ủy quyền của bà X: Bà Huỳnh Mỹ H, sinh năm 1952; địa chỉ: Số 459/18A, đường THĐ, phường CK, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, *(có mặt)*.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà X:

+ Ông Ngô Đình Ch – Luật sư làm việc tại Văn phòng Luật sư Ngô Đình Ch, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau, *(có mặt);*

2. Ông Huỳnh Trung Ph, sinh năm 1940; địa chỉ: Số 25, Đường số 4, Khu dân cư C. G. Hills, Phường 5, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh, *(xin vắng mặt).*

3. Chị Huỳnh Minh Ch2, sinh năm 1969, *(có mặt);*

4. Anh Huỳnh Minh Đ1, sinh năm 1971, *(có mặt);*

5. Chị Huỳnh Minh Ng, sinh năm 1977, *(vắng mặt);*

Cùng địa chỉ: Số 135, đường PĐP, Khóm 6, phường 2, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Ch2, anh Đ1 và chị Ng (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 18/4/2019): Ông Lê Minh Ch1, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 215, đường ND, Khóm 8, Phường 5, thành phố CM, tỉnh Cà Mau, *(có mặt)*.

6. Anh Huỳnh Minh Kh, sinh năm 1973, *(đã chết);*

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh Kh: Anh Huỳnh Đặng Nhất N1, sinh năm 1998; địa chỉ: Số 308, đường PNH, Khóm 2, Phường 9, thành phố CM, tỉnh Cà Mau, *(vắng mặt)*.

7. Ông Huỳnh Phi L, sinh năm 1935, *(đã chết).*

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông L:

7.1. Bà Lê Ngọc D1, sinh năm 1948, *(vắng mặt);*

7.2. Chị Huỳnh Minh Ch2, sinh năm 1969, *(có mặt);*

7.3. Anh Huỳnh Minh Đ1, sinh năm 1971, *(có mặt);*

7.4. Chị Huỳnh Minh Ng, sinh năm 1977, *(vắng mặt).*

Cùng địa chỉ: Số 135, đường PĐP, Khóm 6, Phường 2, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

7.5. Anh Huỳnh Minh Kh, sinh năm 1973, *(đã chết).*

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh Kh: Anh Huỳnh Đặng Nhất N1, sinh năm 1998; địa chỉ: Số 308, đường PNH, Khóm 2, Phường 9, thành phố CM, tỉnh Cà Mau, *(vắng mặt)*.

- *Người kháng cáo*:

+ Nguyên đơn: Bà Huỳnh Mỹ H, bà Huỳnh Cẩm D, bà Huỳnh Tuyết B và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Huỳnh Hồng S là bà Lý Thị T, anh Huỳnh Hoàng H1 và anh Huỳnh Hoàng B1.

+ Bị đơn bà Lê Ngọc D1.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Minh Ch2, anh Huỳnh Minh Đ1, chị Huỳnh Minh Ng và ông Huỳnh Trung Ph.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn là bà Huỳnh Mỹ H trình bày:

Cụ Huỳnh Hồng Ng1 và cụ Lữ Thị Kh1 có 9 người con gồm: Bà Huỳnh Tiết B (Huỳnh Tuyết B), ông Huỳnh Phi L, bà Huỳnh Cẩm D, ông Huỳnh Trung Ph, bà Huỳnh Kim N, bà Huỳnh Mỹ X, bà Huỳnh Mỹ H, ông Huỳnh Hồng S và ông Huỳnh Tấn Tr.

Năm 1962, cụ Ng1 chết. Năm 1963, cụ Kh1 mua căn nhà số 135, đường PĐP, Khóm 6, Phường 2, thành phố CM, tỉnh Cà Mau của chế độ cũ, để cả gia đình ở. Đến khi các người con của hai cụ trưởng thành và lập gia đình thì tách ra ở riêng. Riêng ông L kết hôn với bà Lê Ngọc D1 thì ở cùng với cụ Kh1.

Năm 1984, bà X mua 59,45m^2 đất phía sau căn nhà trên và cho vợ chồng ông L và bà D1 mượn phần đất này sử dụng. Sau đó, ông L và bà D1 đã cất 36,8m^2 nhà để ở.

Cụ Kh1 nộp thuế nhà đất toàn bộ nhưng chưa đăng ký quyền sử dụng đất. Năm 2001, cụ Kh1 chết không để lại di chúc. Gia đình ông L và bà D1 tiếp tục ở đây đến năm 2003 thì ông L chết.

Ngày 20/5/2005, gia đình họp lại để giải quyết tài sản thừa kế là căn nhà số 135, đường PĐP, Khóm 6, Phường 2, thành phố CM, tỉnh Cà Mau (sau đây gọi tắt là căn nhà số 135 đường PĐP). Tại cuộc họp này, anh em trong gia đình thống nhất giao cho bà H quản lý, đứng tên làm chủ căn nhà để làm nơi thờ cúng tổ tiên, ông bà, cha mẹ, bà D1 phải giao lại căn nhà cho bà H quản lý, sử dụng; do bà D1 ở và có tu bổ căn nhà nên anh em trong gia đình giải quyết cho bà D1 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) để mua nhà mới. Tuy nhiên, bà D1 không đồng ý với phương án giải quyết của thân tộc, không nhận tiền mà yêu cầu được chia 1.000.000.000đ (một tỷ đồng), nên hai bên không thống nhất được việc giải quyết thừa kế đối với căn nhà này.

Sau khi Ủy ban nhân dân (UBND) Phường 2 hòa giải vụ việc không thành, nguyên đơn đã khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế nhà đất tại số 135 đường PĐP theo quy định của pháp luật.

Đối với phần đất phía sau căn nhà số 135 đường PĐP, bà H xác định là bà Huỳnh Mỹ X đã cho bà theo "đơn xác nhận v/v cho đất" của bà X đề ngày 14/11/2007. Bà H yêu cầu bà D1 trả lại phần đất này cho bà.

Bị đơn bà Lê Ngọc D1 trình bày:

Căn nhà số 135 đường PĐP gồm có 2 phần. Phần nhà phía trước có chiều ngang 4m, dài 20m có nguồn gốc do chính quyền chế độ cũ bán trả góp cho ông Huỳnh Phi L vào năm 1963 (do ông L là Cảnh sát Ngụy, ông L để cụ Kh1 đứng tên trên hợp đồng). Do cụ Kh1 không biết chữ nên mọi giao dịch cũng như trả tiền góp hàng tháng đều do ông L thực hiện, tiền trả góp cũng là tiền lương của ông L. Năm 1968, bà và ông L kết hôn và ở tại căn nhà này đến nay. Năm 1969, ông L được lên làm sĩ quan Cảnh sát Ngụy và được hưởng chế độ, nên không phải trả tiếp tiền mua nhà. Ông L và chính quyền lúc bấy giờ chưa thanh lý hợp đồng mua nhà trả góp. Căn nhà này khi mua trả góp là nhà công vụ, đơn sơ. Sau này, nhà xuống cấp trầm trọng nên vào năm 1982, vợ chồng bà tháo dỡ nhà cũ, cất lại nhà và mở tiệm bán cơm. Từ năm 1982 đến nay, căn nhà được tu sửa nhiều lần, phần kiến trúc hoàn toàn do vợ chồng bà và các con đứng ra xây dựng. Diện tích đất của nhà này chưa được đăng ký chủ quyền.

Như vậy, phần tài sản có dính líu đến quyền lợi của cụ Kh1 là phần đất của căn nhà phía trước, phần đất này ông L mua để cụ Kh1 đứng tên trong hộ khẩu.

Phần phía sau căn nhà số 135 đường PĐP có chiều ngang 4,1m, dài 14,5m. Đây là phần đất do bà Huỳnh Mỹ X mua vào năm 1984 (không làm thủ tục giấy tờ, không có giấy chủ quyền). Phần đất này không có lối đi riêng. Năm 1993, bà X xuất cảnh và cho vợ chồng bà phần đất này nhưng không lập giấy tờ. Vợ chồng bà đã xây dựng nhà kiên cố trên phần đất này vào năm 1996.

Vợ chồng bà đã trông nom, phụng dưỡng cụ Kh1. Đến năm 2001 thì cụ Kh1 chết. Năm 2003 ông L chết. Nhà này là quyền lợi chung của các thành viên trong gia đình gồm cụ Kh1, vợ chồng bà và các con của bà. Sau khi cụ Kh1 chết, các anh chị em trong nhà họp thân tộc ngày 20/5/2005 (bà không tham gia buổi họp), đề xuất phương án giải quyết cho bà số tiền 600.000.000 đồng và gia đình bà phải giao nhà cho bà H, nhưng bà không đồng ý. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết giữ nguyên hiện trạng căn nhà số 135 đường PĐP; yêu cầu định giá căn nhà nói trên để xác định giá trị căn nhà. Bà đồng ý phần di sản của cụ Kh1 là 1/3 tổng giá trị phần kiến trúc căn nhà để chia đều cho các thừa kế; 2/3 trị giá căn nhà còn lại là của vợ chồng bà và các con. Riêng phần đất do Nhà nước chưa cấp giấy chủ quyền nên không phải là di sản thừa kế. Bà không đồng ý trả lại phần đất phía sau căn nhà số 135 đường PĐP cho bà X.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lê Ngọc D1 là ông Lê Minh Ch1 trình bày:

Tất cả nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều khẳng định di sản thừa kế của cụ Lữ Thị Kh1 chỉ có phần đất phía trước, không có phần đất phía sau. Bà Huỳnh Mỹ X cho ông Huỳnh Phi L và bà Lê Ngọc D1 2 chỉ vàng để phụ ông L mua phần đất phía sau, chứ không phải do bà X mua. Bị đơn thống nhất di sản thừa kế được chia cho 8 người con của cụ Kh1, trong đó có trích ra một phần tài sản để bà D1 thờ cúng ông bà, cha mẹ, phần trích ra tương đương kỷ phần một người được hưởng. Theo đó, di sản thừa kế của cụ Kh1 (phần đất nhà trước) được chia ra 9 phần bằng nhau. Do hiện nay bà D1 là người thờ cúng cụ Kh1, cụ Ng1 nên bà D1 yêu cầu được nhận căn nhà và đồng ý trả kỷ phần cho những người khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Mỹ X trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của bà Huỳnh Mỹ H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Trung Ph trình bày: Ông không khước từ nhận di sản. Còn phần đất phía sau căn nhà số 135 đường PĐP là của bà X cho ông L, bà D1 mượn là việc riêng giữa bà X và bà D1.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Minh Ch2, anh Huỳnh Minh Đ1 và chị Huỳnh Minh Ng: Thống nhất với lời trình bày của bà Lê Ngọc D1, không có ý kiến gì khác.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân các cấp giải quyết như sau:

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2006/DSST ngày 15/12/2006, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu xin chia thừa kế căn nhà và đất số 135 đường PĐP.

Tuyên xử: Căn nhà và phần đất 135 đường PĐP là di sản của cụ Lữ Thị Kh1.

Phần chia di sản cụ Kh1 trị giá 621.311.040 đồng cho 08 kỷ phần cụ thể như sau: Trích 21.311.044 đồng cho bà Lê Ngọc D1 quản lý để phần thờ phụng, nhang khói đối với cụ Kh1 và cụ Ng1; mỗi phần thừa kế được hưởng 75.000.000 đồng.

Giao nhà và đất của cụ Kh1 cho bà D1 quản lý, sở hữu. Bà D1 phải hoàn trả cho các thừa kế, mỗi phần 75.000.000 đồng.

Ngày 26/12/2006, bà Lê Ngọc D1 kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại vụ án.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số: 236/2007/DSPT ngày 31/7/2007, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2006/DSST ngày 15/12/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau giải quyết lại vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2009/DSST ngày 27/8/2009, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã quyết định:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đất và nhà 135 của cụ Kh1 để lại.

Tuyên bố: Đất và căn nhà 135 PĐP là di sản của cụ Kh1 để lại cho 08 kỷ phần, mỗi phần thừa kế được hưởng 335.503.750 đồng.

Bà D1 và các con còn được hưởng giá trị căn nhà thừa kế là 69.120.000 đồng và khoản tiền thờ cúng, tiền nuôi dưỡng cụ Kh1, cụ Ng1 và tiền di dời nhà 120 triệu đồng.

Di sản thừa kế giao toàn bộ cho bà H được hưởng; bà H có nghĩa vụ thanh toán cho các phần thừa kế trên và các khoản tiền bà D1 và các con bà D1 được hưởng.

Buộc bà D1 và các con bà D1 phải giao cho bà H phần đất gắn liền với căn nhà có diện tích 4m x 24m = 96m^2 tại 135 PĐP.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà H đòi bà D1 và các con bà D1 giao lại phần đất 102,24m^2 tọa lạc tại số 135 PĐP (phía sau căn nhà thừa kế). Buộc bà D1 và các con bà D1 phải giao lại cho bà H diện tích đất trên. Buộc bà H phải thanh toán cho bà D1 và các con bà D1 giá trị hai căn nhà là 126.844.000 đồng.

Ngày 08/9/2009, bà Huỳnh Mỹ H (bà H đại diện cho bà B, bà D, bà N và bà X) kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại.

Ngày 28/9/2009, bà Lê Ngọc D1, chị Huỳnh Minh Ch2, anh Huỳnh Minh Đ1, anh Huỳnh Minh Kh và chị Huỳnh Minh Ng kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số: 72/2010/DSPT ngày 09/4/2010, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2009/DSST ngày 27/8/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Xác định diện tích đất 04m x 24m = 96m^2 của căn nhà 135 PĐP, trị giá 2.000.000.000 đồng, là di sản của cụ Kh1.

Căn nhà trên diện tích 96 m^2 (số 135) trị giá 69.120.000 đồng là tài sản của vợ chồng bà D1. Di sản của cụ Kh1 chia đều cho 08 người con nói trên, mỗi thừa kế được hưởng 250.000.000 đồng.

Giao toàn bộ căn nhà số 135 nêu trên có tứ cận: phía Đông Nam giáp đường PĐP, phía Tây Nam giáp nhà số 133 PĐP, phía Tây Bắc giáp khu dân cư và phía Đông Bắc giáp nhà 137 PĐP gồm 96 m^2 đất và công trình xây dựng gắn liền (nhà ở 1) cho bà H thừa hưởng, bà H có nghĩa vụ thanh toán suất cho các đồng thừa kế.

Buộc bà H phải hoàn trả giá trị công trình (nhà ở 1) là 69.120.000 đồng cho bà D1 và các con. Ghi nhận việc bà H hỗ trợ 30.000.000 đồng di dời nhà cho bà D1. Buộc bà D1 và các con giao nhà số 135 PĐP cho bà H sau khi nhận đủ 349.120.000 đồng.

2. Hủy toàn bộ mục 2 của quyết định của bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà H đòi bà D1 và các con bà D1 giao lại phần đất có kích thước như sau [(4,1 x 14,8 – 14,1) m] x 2 = 102,24 m^2 tọa lạc tại số nhà 135 PĐP (nằm phía sau nhà chia thừa kế). Buộc bà D1 và các con bà D1 có nghĩa vụ giao cho bà H phần đất gắn liền với nhà có kích thước như sau [(4,1 x 14,8 – 14,1) m] x 2 = 102,24 m^2 tọa lạc tại số nhà 135 PĐP (nằm phía sau nhà chia thừa kế), dành cho bà X quyền khởi kiện đối với phần đất phía sau nhà ở.

Bị đơn bà Lê Ngọc D1 có đơn yêu cầu giám đốc thẩm bản án phúc thẩm nói trên.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số: 120/2013/DS-GĐT ngày 12/9/2013, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã quyết định:

Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số: 72/2010/DSPT ngày 09/4/2010 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2009/DSST ngày 27/8/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau về vụ án "Tranh chấp về thừa kế tài sản" giữa nguyên đơn là các ông bà Huỳnh Tiết B, Huỳnh Cẩm D, Huỳnh Kim N, Huỳnh Mỹ H và Huỳnh Hồng S với bị đơn là bà Lê Ngọc D1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Mỹ X, ông Huỳnh Trung Ph, chị Huỳnh Minh Ch2, anh Huỳnh Minh Đ1, anh Huỳnh Minh Kh và chị Huỳnh Minh Ng.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm lại đúng theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2019/DS-ST ngày 02/12/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Huỳnh Tuyết B, bà Huỳnh Cẩm D, bà Huỳnh Kim N, bà Huỳnh Mỹ H và ông Huỳnh Hồng S.

Xác định phần đất có diện tích 155,45m^2 tọa lạc tại số 135 đường PĐP, Khóm 6, Phường 2, thành phố CM, tỉnh Cà Mau, trị giá 2.238.480.000đ (hai tỷ, hai trăm ba mươi tám triệu, bốn trăm tám mươi ngàn đồng) là di sản của cụ Lữ Thị Kh1.

Di sản của cụ Lữ Thị Kh1 được chia đều cho 08 người con bao gồm: Bà Huỳnh Tuyết B, bà Huỳnh Cẩm D, bà Huỳnh Kim N, bà Huỳnh Mỹ H, ông Huỳnh Hồng S (chết) do vợ là bà Lý Thị T và các con đại diện nhận, bà Huỳnh Mỹ X, ông Huỳnh Trung Ph, ông Huỳnh Phi L (chết) do vợ là bà Lê Ngọc D1 và các con đại diện nhận, mỗi kỷ phần được hưởng là 279.810.000đ (hai trăm bảy mươi chín triệu, tám trăm mười ngàn đồng).

2. Giao toàn bộ nhà và đất tọa lạc tại số 135 đường PĐP, Khóm 6, Phường 2, thành phố CM, tỉnh Cà Mau có tứ cận: Phía Đông Nam giáp đường PĐP, phía Tây Nam giáp nhà số 133 đường PĐP, phía Tây Bắc giáp khu dân cư, phía Đông Bắc giáp nhà số 137 đường PĐP cho bà Lê Ngọc D1 và các con ông L, bà D1 thừa hưởng; bà Lê Ngọc D1 và các con có nghĩa vụ thanh toán kỷ phần được hưởng thừa kế cho những người thừa kế là bà Huỳnh Tuyết B, bà Huỳnh Cẩm D, bà Huỳnh Kim N, bà Huỳnh Mỹ H, ông Huỳnh Hồng S (chết) do vợ là bà Lý Thị T và các con đại diện nhận, bà Huỳnh Mỹ X và ông Huỳnh Trung Ph.

3. Bà Lê Ngọc D1 có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, về án phí dân sự sơ thẩm, về việc thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/12/2019, nguyên đơn bà Huỳnh Mỹ H có đơn kháng cáo và ngày 23/12/2019, bà H có đơn kháng cáo bổ sung, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận cho bà H được nhận toàn bộ căn nhà và đất tọa lạc tại số 135 PĐP, Khóm 6, Phường 2, thành phố CM, tỉnh Cà Mau với giá trị căn nhà là 5.000.000.000 đồng để chia đều cho 08 kỷ phần, mỗi kỷ phần là 625.000.000 đồng; đồng thời, bà H đồng ý hỗ trợ cho bà D1 tiền xây cất nhà sau là 80.000.000 đồng.

Ngày 16/12/2019, bị đơn bà Lê Ngọc D1, cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Huỳnh Minh Ch2, anh Huỳnh Minh Đ1 và chị Huỳnh Minh Ng có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: *Công nhận di sản thừa kế của cụ Lữ Thị Kh1 là phần đất của căn nhà phía trước 80m^2 để chia thừa kế cho những người ở hàng thừa kế thứ nhất; đình chỉ giải quyết tranh chấp giữa bà Huỳnh Mỹ X với bà Lê Ngọc D1 đối với căn nhà và phần đất phía sau, phần đất này sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi bà Huỳnh Mỹ X có yêu cầu khởi kiện.*

Ngày 22/12/2019, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Huỳnh Hồng S gồm bà Lý Thị T, anh Huỳnh Hoàng H1, anh Huỳnh Hoàng B1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Trung Ph, có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý giao nhà cho bà Lê Ngọc D1 và các con của bà D1, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng, tuyên xử cho bà H được nhận toàn bộ căn nhà và đất tọa lạc tại số 135 PĐP, Khóm 6, Phường 2, thành phố CM, tỉnh Cà Mau với giá trị căn nhà là 5.000.000.000 đồng để chia đều cho 08 kỷ phần, mỗi kỷ phần là 625.000.000 đồng.

Ngày 23/12/2019, nguyên đơn bà Huỳnh Cẩm D và bà Huỳnh Tuyết B có đơn kháng cáo cũng với nội dung không đồng ý giao nhà cho bà Lê Ngọc D1 và các con của bà D1, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng, tuyên xử cho bà H được nhận toàn bộ căn nhà và đất tọa lạc tại số 135 PĐP, Khóm 6, Phường 2, thành phố CM, tỉnh Cà Mau với giá trị căn nhà là 5.000.000.000 đồng để chia đều cho 08 kỷ phần, mỗi kỷ phần là 625.000.000 đồng.

Ngày 16/12/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau có Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 16/12/2019 kháng nghị phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm: Xác định giá trị đất để chia thừa kế theo báo cáo thẩm định giá 32.552.144 đồng/m^2; diện tích 155,45m^2, tính tròn bằng 5.000.000.000 đồng, chia đều cho 8 kỷ phần, mỗi kỷ phần 625.000.000 đồng; sửa án phí dân sự cho các đương sự theo giá trị kỷ phần được chia thừa kế (sau đây gọi tắt là quyết định kháng nghị hay kháng nghị).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo ông Huỳnh Trung Ph có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Các đương sự có kháng cáo còn lại vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị.

Các Luật sư Ngô Đình Ch và Nguyễn Văn Đ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày ý kiến với nội dung như sau:

Toàn bộ lời trình bày của bị đơn bà Lê Ngọc D1 và người đại diện theo ủy quyền của bà D1 trong quá trình giải quyết vụ án là không có căn cứ. Trong khi đó, tại sổ mục kê đất đai lập năm 1997, đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất năm 1998, giấy phép xây dựng nhà năm 1996 và biên lai nộp thuế đều do cụ Lữ Thị Kh1 đứng tên đối với diện tích đất 155,45m^2 tọa lạc tại số 135 đường PĐP. Các tài liệu, chứng cứ này phù hợp với lời khai của nguyên đơn và phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là con của cụ Kh1. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định phần diện tích đất này là di sản của cụ Lữ Thị Kh1 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Việc định giá di sản của cụ Kh1 nêu trên cũng đã được Công ty Cổ phần giám định và thẩm định EXIVAS tiến hành thẩm định, định giá 32.552.144 đồng/m^2 là phù hợp với giá đất theo thị trường ở địa phương tại thời điểm giải quyết vụ án và đã có Báo cáo kết quả thẩm định giá ngày 19/01/2018 theo đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại ra quyết định định giá lại và áp dụng kết quả định giá lại tại Biên bản định giá tài sản ngày 26/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản được xác định theo Bảng giá các loại đất năm 2015 trên địa bàn tỉnh Cà Mau với mức giá là 8.000.000đ/m^2 x hệ số (K) 1,8 để giải quyết vụ án là không đúng với quy định tại khoản 5 Điều 104 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Qua đó thấy rằng, kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận cho bà H được nhận toàn bộ căn nhà và diện tích đất 155,45m^2 tọa lạc tại số 135 đường PĐP với giá trị là 5.000.000.000 đồng để chia đều cho 08 kỷ phần, mỗi kỷ phần là 625.000.000 đồng; đồng thời, bà H đồng ý hỗ trợ cho bà D1 phần xây cất nhà sau với số tiền 80.000.000 đồng, là phù hợp với quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau, có lợi cho bà D1 và các đương sự có liên quan, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát đối với việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về kháng cáo của các đương sự và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần đất có diện tích 155,45m^2 tọa lạc tại số 135 đường PĐP là di sản của cụ Lữ Thị Kh1 là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án, có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất 155,45m^2 nêu trên trị giá 2.238.480.000đ (hai tỷ, hai trăm ba mươi tám triệu, bốn trăm tám mươi ngàn đồng) theo kết quả định giá lại tại Biên bản định giá tài sản ngày 26/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản là không đúng với quy định tại khoản 5 Điều 104 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì kết quả định giá này được Hội đồng định giá tài sản xác định theo Bảng giá các loại đất năm 2015 trên địa bàn tỉnh Cà Mau với mức giá là 8.000.000đ/m^2 x hệ số điều chỉnh (K) 1,8 = 2.238.480 đồng, chia đều cho 8 kỷ phần, mỗi kỷ phần 279.810.000 đồng là thấp hơn nhiều so với giá đất 32.552.144 đồng/m^2 đã được Công ty Cổ phần giám định và thẩm định EXIVAS tiến hành thẩm định, định giá theo giá thị trường ở địa phương tại thời điểm giải quyết vụ án.

Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Xác định giá trị đất để chia thừa kế theo kết quả thẩm định giá 32.552.144 đồng/m^2 của Công ty Cổ phần giám định và thẩm định EXIVAS đối với diện tích đất 155,45m^2, tính tròn bằng 5.000.000.000 đồng, chia đều cho 8 kỷ phần, mỗi kỷ phần 625.000.000 đồng; sửa án phí dân sự cho các đương sự theo giá trị kỷ phần được chia thừa kế, là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Kháng cáo của bị đơn bà Lê Ngọc D1, cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm chị Huỳnh Minh Ch2, anh Huỳnh Minh Đ1 và chị Huỳnh Minh Ng là không có cơ sở. Kháng cáo của các đương sự còn lại là phù hợp với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau. Tuy nhiên, trong trường hợp bà Lê Ngọc D1 có nhu cầu sử dụng nhà và đất tọa lạc tại số 135 đường PĐP thì đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao toàn bộ nhà và đất này cho bà D1 và các con bà D1; bà D1 và các con có nghĩa vụ thanh toán lại cho những người được hưởng thừa kế còn lại, mỗi kỷ phần 625.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Mỹ H, bà Huỳnh Cẩm D và bà Huỳnh Tuyết B; đơn kháng cáo của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Huỳnh Hồng S là bà Lý Thị T, anh Huỳnh Hoàng H1 và anh Huỳnh Hoàng B1; đơn kháng cáo của bị đơn bà Lê Ngọc D1; cùng đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Minh Ch2, anh Huỳnh Minh Đ1, chị Huỳnh Minh Ng và ông Huỳnh Trung Ph, đều nộp trong

thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ; Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 16/12/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Trung Ph có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Huỳnh Đặng Nhất N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, như sau:

Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã có những vi phạm về thủ tục tố tụng, có những thiếu sót trong việc thu thập chứng cứ và chứng minh không đúng theo quy định pháp luật, cụ thể:

[1] *Về việc xác định di sản thừa kế của cụ Lữ Thị Kh1 tại căn nhà số 135 đường PĐP:*

[1.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét và tranh tụng tại phiên tòa, đủ cơ sở xác định: Hiện nay, bà Lê Ngọc D1 và các con của bà D1 đang quản lý sử dụng toàn bộ căn nhà số 135 đường PĐP với tổng diện tích đất 155,45m^2. Căn nhà này gồm hai phần: Phần phía trước có nhà cấp 4 tọa lạc trên diện tích đất có chiều ngang 4m x dài 24m = 96m^2 là của cụ Lữ Thị Kh1 mua năm 1963 (căn nhà đã được vợ chồng bà D1 tu sửa toàn bộ vào năm 1982); phần diện tích đất phía sau có chiều ngang 4,1m x dài 14,5m = 59,45m^2 là của bà Huỳnh Mỹ X nhận chuyển nhượng từ năm 1984. Năm 1993 bà X xuất cảnh sang Úc và năm 1996 vợ chồng bà Lê Ngọc D1 xây dựng nhà trên phần đất phía sau.

[1.2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần đất phía trước diện tích 96m^2 là di sản của cụ Kh1 là đúng. Tuy nhiên, việc giải quyết tranh chấp chia thừa kế đối với căn nhà trên phần đất phía trước của Tòa án cấp sơ thẩm đã có thiếu sót, không đúng quy định pháp luật, cụ thể như sau:

Trong quá trình xét xử vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định: Ông L và bà D1 đã ở căn nhà trên phần đất phía trước từ trước đến nay hơn 50 năm, ban đầu căn nhà được xây dựng theo hình thức bán cơ bản, lợp ngói, dần về sau vợ chồng bà D1 tu bổ, nâng cấp, sửa chữa nhiều lần. Hơn nữa, ông L và bà D1 cũng là người trực tiếp nuôi dưỡng cụ Kh1 lúc đau ốm, bệnh hoạn và trực tiếp thờ cúng cụ Ng1, cụ Kh1 từ trước đến nay. Do đó, tiếp tục giao di sản của cụ Lữ

Thị Kh1 là căn nhà phía trước, xem như chi phí về việc nhang khói, phụng thờ ông bà như từ trước đến nay. Qua đó thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định căn nhà trên phần đất phía trước là di sản của cụ Kh1 và được chia cho bà D1. Mặc dù nhận định như vậy, nhưng tại phần quyết định của bản án sơ thẩm lại không có việc xác định căn nhà trên phần đất phía trước là di sản của cụ Kh1 để chia thừa kế là giải quyết không đầy đủ yêu cầu của đương sự, vi phạm quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đồng thời, việc giải quyết tranh chấp về thừa kế căn nhà trên phần đất phía trước như vậy là không đúng theo quy định pháp luật về thừa kế, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

[1.3] Đối với phần diện tích đất phía sau có chiều ngang 4,1m x dài 14,5m = 59,45m^2, Tòa án cấp sơ thẩm xác định là di sản của cụ Kh1 là chưa đủ căn cứ, vì các lẽ sau đây:

[1.3.a] Trong quá trình giải quyết vụ án tranh chấp chia thừa kế di sản của cụ Lữ Thị Kh1, không có đương sự nào trình bày hoặc khai rằng diện tích đất phía sau là di sản của cụ Kh1.

[1.3.b] Trong khi đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định phần diện tích đất phía sau là của bà Huỳnh Mỹ X nhận chuyển nhượng từ năm 1984. Năm 1993 bà X xuất cảnh sang Úc và năm 1996 vợ chồng bà D1 xây dựng nhà trên phần đất phía sau.

[1.3.c] Hơn nữa, tại đơn xác nhận về việc cho đất ngày 14/11/2007, được Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Úc chứng nhận ngày 15/11/2007, bà X khẳng định đã cho bà Huỳnh Mỹ H phần đất phía sau. Trong quá trình Tòa án giải quyết, lời khai của bà H không thống nhất, có lúc bà H yêu cầu bà D1 trả lại phần đất này vì bà X đã cho bà, có lúc bà H khai thay mặt bà X đòi lại phần đất phía sau, sau đó bà H (được các nguyên đơn và bà X ủy quyền) xác định đồng ý, tự nguyện sáp nhập phần đất phía sau vào phần di sản chia thừa kế. Trong khi đó, bà D1 khai bà X đã cho vợ chồng bà phần đất phía sau vào năm 1993 khi bà X xuất cảnh sang Úc. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà D1 cho rằng, diện tích đất phía sau là do vợ chồng bà D1 mua của ông Nguyễn Văn Mùi vào năm 1984, khi mua có làm giấy tờ nhưng nay đã thất lạc, khi đó bà X có cho 02 chỉ vàng để phụ giúp vợ chồng bà D1 mua diện tích đất này.

Qua đó thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án tranh chấp chia thừa kế di sản của cụ Kh1, thì giữa bà X, bà H và bà D1 cùng các đương sự có liên quan đã có sự tranh chấp về quyền sử dụng diện tích đất phía sau. Xét đây là mối quan hệ tranh chấp khác và chưa được Tòa án giải quyết, nên chưa có cơ sở xác định quyền sử dụng hợp pháp đối với phần đất phía sau là của đương sự nào,

nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không hướng dẫn các đương sự làm đơn khởi kiện để được xem xét thụ lý giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định pháp luật, mà lại nhận định: Tại phiên tòa, bà H (được các nguyên đơn và bà X ủy quyền) xác định đồng ý, tự nguyện sáp nhập phần đất phía sau vào phần di sản chia thừa kế, nên chấp nhận phần đất phía sau là di sản thừa kế của cụ Kh1 và được xem xét chia thừa kế, là không có căn cứ, vượt quá phạm vi khởi kiện yêu cầu giải quyết vụ án tranh chấp chia thừa kế của đương sự, không đúng quy định tại các Điều 609, 612, 613, 623, 649, 650, 651 và 652 Bộ luật Dân sự.

[1.4] Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên xét thấy, việc thu thập chứng cứ để xác định và chứng minh di sản thừa kế của cụ Lữ Thị Kh1 tại căn nhà số 135 đường PĐP của Tòa án cấp sơ thẩm đã có những thiếu sót không theo đúng quy định pháp luật và trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã có những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, thuộc trường hợp phải hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] *Về việc định giá tài sản:*

[2.1] Theo Báo cáo kết quả thẩm định giá ngày 19/01/2018 của Công ty Cổ phần giám định và thẩm định EXIVAS xác định giá đất 32.552.144 đồng/m^2 là định giá theo giá đất thị trường tại thời điểm giải quyết vụ án.

[2.2] Tuy nhiên, sau đó đến ngày 13/3/2018 bị đơn bà Lê Ngọc D1 có đơn yêu cầu xem xét lại kết quả thẩm định theo báo cáo thẩm định trên, với lý do giá đất theo Báo cáo thẩm định giá 32.552.144 đồng/m^2 là giá chuyển nhượng của các hộ lân cận đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không có tranh chấp, còn đất của bà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đang tranh chấp nên giá trị phải thấp hơn. Theo đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành các thủ tục định giá lại và theo Biên bản định giá tài sản ngày 26/9/2018, Hội đồng định giá tài sản (theo Quyết định định giá tài sản và thành lập Hội đồng định giá tài sản số 102/2018/QĐ-ĐG ngày 06/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau) đã xác định giá trị đất tranh chấp theo Bảng giá các loại đất năm 2015 trên địa bàn tỉnh Cà Mau, mức giá là 8.000.000đ/m^2 x hệ số (K) 1,8 là không đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 104 của Bộ luật Tố tụng dân sự: "*Việc định giá lại tài sản được thực hiện trong trường hợp có căn cứ cho rằng kết quả giám định lần đầu không chính xác hoặc không phù hợp với giá thị trường nơi có tài sản định giá tại thời điểm giải quyết vụ án dân sự*".

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Huỳnh Mỹ H và các Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cùng cho rằng, việc Tòa án cấp sơ thẩm định giá lại di sản của cụ Kh1 theo Biên bản định giá tài sản ngày

26/9/2018 là không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm cũng không tống đạt cho nguyên đơn biên bản định giá này. Bà H đề nghị được nhận toàn bộ căn nhà và đất tọa lạc tại số 135 PĐP; đồng ý thanh toán và hỗ trợ cho bà D1 với tổng số tiền là 1.200.000.000 đồng cao hơn nhiều so với kết quả thẩm định giá ngày 19/01/2018 của Công ty Cổ phần giám định và thẩm định EXIVAS, nhưng bà D1 có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa vẫn không đồng ý, nên tài sản tranh chấp cũng cần phải được thẩm định lại cho phù hợp với giá thị trường tại thời điểm giải quyết vụ án dân sự và sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết trong quá trình giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất chấp nhận một phần kháng cáo của các đương sự và chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Những ý kiến, quan điểm của các Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau do không phù hợp với phân tích và nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các đương sự có kháng cáo không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của các đương sự: Nguyên đơn bà Huỳnh Mỹ H, bà Huỳnh Cẩm D và bà Huỳnh Tuyết B; người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Huỳnh Hồng S là bà Lý Thị T, anh Huỳnh Hoàng H1 và anh Huỳnh Hoàng B1; bị đơn bà Lê Ngọc D1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Minh Ch2, anh Huỳnh Minh Đ1, chị Huỳnh Minh Ng và ông Huỳnh Trung Ph; chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 16/12/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2019/DS-ST ngày 02/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự có kháng cáo không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

+ Hoàn trả cho anh Huỳnh Hoàng H1 số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp (do ông Ngô Đình Ch nộp thay) theo Biên lai thu số: 00468 ngày 31/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

+ Hoàn trả cho anh Huỳnh Hoàng B1 số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp (do ông Ngô Đình Ch nộp thay) theo Biên lai thu số: 00469 ngày 31/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

+ Hoàn trả cho bà Lê Ngọc D1 số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp (do ông Phạm Mạnh Khương nộp thay) theo Biên lai thu số: 00460 ngày 24/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

+ Hoàn trả cho chị Huỳnh Minh Ng số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp (ông Phạm Mạnh Khương nộp thay) theo Biên lai thu số: 00459 ngày 24/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

+ Hoàn trả cho chị Huỳnh Minh Ch2 số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp (do ông Phạm Mạnh Khương nộp thay) theo Biên lai thu số: 00461 ngày 24/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

+ Hoàn trả cho anh Huỳnh Minh Đ1 số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp (do ông Phạm Mạnh Khương nộp thay) theo Biên lai thu số: 00462 ngày 24/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 10 tháng 12 năm 2020./.

Các Thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Văn Công **Võ Văn Khoa** **Đỗ Đình Thanh**